

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29-7-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Kiểm

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị A; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Ngọc H; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**.NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 3 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/1990 tại Ủy ban nhân dân phường Máy

Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống thường xuyên không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn đến không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

Về việc nuôi con: Chị và anh H có ba con chung là Phạm Ngọc Tuấn, sinh ngày 19/02/1991, Phạm Ngọc Tùng, sinh ngày 11/4/1993 và Phạm Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 25/12/2005. Hai con lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao con Phạm Thị Ngọc Huyền cho chị trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Ngọc H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Đỗ Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức độ căng thẳng. Giữa năm 2021, chị A đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ, sau đó chị A có quay về chung sống với anh một thời gian thì lại mâu thuẫn nên chị A lại ra dọn ngoài sống cho đến nay. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh đó là những mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được, không phải là nguyên nhân dẫn đến ly hôn. Nay chị A có đơn xin ly hôn, anh muốn giữ gia đình cho con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về việc nuôi con: Anh và chị A có ba con chung là Phạm Ngọc Tuấn, sinh ngày 19/02/1991, Phạm Ngọc Tùng, sinh ngày 11/4/1993 và Phạm Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 25/12/2005. Hai con lớn đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, về cháu Huyền đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của cháu Huyền là được ở với mẹ, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị A và anh H, nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Phạm Ngọc H. Về việc nuôi con, hai con lớn là Phạm Ngọc Tuấn, sinh ngày 19/02/1991 và Phạm Ngọc Tùng, sinh ngày 11/4/1993 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; giao con Phạm Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 25/12/2005 cho chị A trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản, chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Chị Đỗ Thị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Chị Đỗ Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Anh Phạm Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Ngọc H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị A và anh H qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị A và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H có ba con chung là Phạm Ngọc Tuấn, sinh ngày 19/02/1991, Phạm Ngọc Tùng, sinh ngày 11/4/1993 và Phạm Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 25/12/2005. Hai con lớn đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thỏa thuận giao cháu Phạm Thị Ngọc Huyền cho chị A nuôi; cháu Huyền cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc cấp dưỡng nuôi con chị A và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị A, giao cháu Phạm Thị Ngọc Huyền cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Chị Đỗ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[7] Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Phạm Ngọc H.

2. Về việc nuôi con: Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H ba con chung là Phạm Ngọc Tuấn, sinh ngày 19/02/1991, Phạm Ngọc Tùng, sinh ngày 11/4/1993 và Phạm Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 25/12/2005. Hai con lớn là Phạm Ngọc Tuấn và Phạm Ngọc Tùng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Phạm Thị Ngọc Huyền cho chị Đỗ Thị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006618 ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị A và bị đơn anh Phạm Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 08/10/1990);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**